TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ LỘC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 28/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công.

Ông Trần Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Huyền Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024, đối với:

- *Bị cáo:* Trần Văn Đ, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1992 tại huyện L, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Đ và bà Trần Thị H; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10 tháng 11 năm 2016, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy"; ngày 12 tháng 5 năm 2020, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị bắt tạm giữ từ ngày 02 tháng 7 năm 2024, chuyển tạm giam ngày 05 tháng 7 năm 2024; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hà Minh C, vắng mặt.

2. Ông Lê Văn D, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 01 tháng 7 năm 2024, bị cáo Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 18F1-5122 đi từ nhà đến thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định mục đích mua ma túy đá để sử dụng. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến khu vực tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, bị cáo Đ gặp và hỏi mua ma túy của một người đàn ông tên S không rõ tuổi, địa chỉ, S đồng ý bán. Sau đó, bị cáo đưa cho S số tiền 200.000 đồng và S nhận tiền và đưa cho bị cáo một túi ni lông màu trắng bên trong có chứa các hạt tinh thể dạng cục màu trắng. Bị cáo cầm túi ma túy cất vào túi quần bên trái rồi điều khiển xe mô tô đi về thì bị tổ công tác Công an huyện Mỹ Lộc phát hiện, bắt quả tang bị cáo đang tàng trữ trái phép một túi ma túy. Tổ công tác đã đưa bị cáo về trụ sở Công an huyện Mỹ Lộc lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng thu giữ, gồm: một túi ni lông màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể dạng cục màu trắng; một xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 18F1-5122 đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 1238/KL-KTHS ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể trong một túi ni lông màu trắng, trong phong bì thư được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: methamphetamine. Khối lượng mẫu: 0,160 gam.

Đối với nguồn gốc gói ma túy và người đàn ông tên S bán ma túy cho bị cáo, do không xác định được tuổi, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc không có căn cứ điều tra xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Boss biển số 18F1-5122, xác định chủ sở hữu là anh Trần Văn T, trú tại: thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Ngày 04 tháng 7 năm 2024, anh T cho bị cáo mượn xe để sử dụng và không biết việc bị cáo dùng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội, mặt khác chiếc xe này không nằm trong dữ liệu vật chứng, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh T.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS-ML ngày 07 tháng 8 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đ về tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận việc cất giữ ma túy trong người để sử dụng là vi phạm pháp luật. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu,

tiêu hủy số lượng ma túy đã thu giữ.

Bị cáo nói lời sau cùng là ăn năn hối cải mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Đối với người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Đ: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định chất ma túy; lời khai của người làm chứng cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Từ các tình tiết, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại khu vực tổ dân phố T, thị trấn M, huyện L, tỉnh Nam Định bắt quả tang bị cáo đang tàng trữ trái phép 0,160 gam methamphetamine với mục đích sử dụng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc truy tố là có căn cứ.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tệ nạn ma túy là hiểm họa của nhân loại bị xã hội lên án và loại trừ. Việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, đó là sức khỏe, tính mạng của con người trước những tác hại của ma túy và quyền quản lý độc quyền về các chất ma túy của Nhà nước.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội phạm ma túy.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ nhận định trên, cân nhắc tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thì cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, mục đích tàng trữ ma túy chỉ để nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân, không có mục đích mua bán kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy được thu giữ sau khi được giám định là methamphetamine chất cấm tàng trữ, lưu hành căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 7 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy số ma túy đã thu giữ được niêm phong trong một phong bì thư có đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa Công an huyện Mỹ Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Mỹ Lộc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường